

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2019

V/v Tranh chấp HNGĐ ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến.

Ông Lê Văn Vững.

- T1 ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - T1 ký Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019. Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị Thanh Th, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp 1, xã TK, Huyện TM, Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Minh T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp 1, xã TK, Huyện TM, Đồng Tháp.

(Chị Th có mặt tại phiên tòa, anh T có đơn xin vắng mặt phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Huỳnh Thị Thanh Th trình bày: Chị và anh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc nhưng về sau tình cảm vợ chồng nhạt nhạt hơn, T1ờng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh T T1ờng xuyên bạo hành, đánh đập chị. Đến nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống với anh T được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 28/9/2001; Nguyễn Minh H, sinh ngày 12/01/2006. Hiện tại các con sống chung với anh T. Về quyền nuôi con theo nguyện vọng của con, nếu con sống với anh T thì chỉ đồng ý cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Nợ chung*: Không có.

Anh Nguyễn Minh T trình bày: Anh và chị Th sống chung với nhau năm 2001, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị Th đã nộp đơn 1 lần rồi nay lại nộp đơn nữa. Hiện nay vợ chồng không sống chung và anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 28/9/2001; Nguyễn Minh H, sinh ngày 12/01/2006. Hiện tại các con sống chung với anh T, anh đồng ý nuôi dưỡng các con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T1 ký thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh T.

- Về con chung: Có 02 tên Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 28/9/2001; Nguyễn Minh H, sinh ngày 12/01/2006. Hiện tại các con sống chung với anh T, anh đồng ý nuôi dưỡng các con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Theo đơn khởi kiện của Huỳnh Thị Thanh Th ghi ngày 11/01/2019, quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và anh T có đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T sống chung từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn, trong quá trình sống chung vợ chồng có hạnh phúc

được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên chị Th yêu cầu được ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh T vì cho rằng tình cảm không còn, hiện nay vợ chồng đã ly thân và từ thời gian ly thân đến nay hai bên không hàn gắn được và anh T cũng đồng ý ly hôn nhưng do hôn nhân của anh, chị không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân gia đình Việt Nam; Tại khoản 1 Điều 9 có ghi: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Và tại khoản 1 Điều 14 có ghi: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Nên không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Th và anh T.

[3] *Về con chung*: Có 02 tên Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 28/9/2001; Nguyễn Minh H, sinh ngày 12/01/2006.

Chị Th, anh T thống nhất anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Minh T1 và Nguyễn Minh H, anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

[5] Xét, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh T; Con chung anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Minh T1 và Nguyễn Minh H, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con; Tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Như đã nhận định ở phần trên. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Thanh Th và anh Nguyễn Minh T.

- Về quan hệ nuôi con chung: Có 02 tên Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 28/9/2001; Nguyễn Minh H, sinh ngày 12/01/2006.

Chị Th, anh T thống nhất anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Minh T1 và Nguyễn Minh H, anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Chị Th, anh T có quyền, nghĩa vụ, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Th được quyền thăm nom con, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số BH/2017/0004195, quyển số 0000084 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay chị Th được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án cấp trên. Đối với anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND cùng cấp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án (M)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Mai